

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

V/v Mời quan tâm cung cấp báo giá dịch vụ kiểm định/kiểm tra vận hành các hệ thống thiết bị tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (Công ty) gửi tới Quý các đơn vị quan tâm lời chào trân trọng và hợp tác.

Hiện nay, Công ty đang có nhu cầu thực hiện kiểm định/kiểm tra vận hành các hệ thống thiết bị phục vụ cho hoạt động SXKD của Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh với danh mục, số lượng theo phụ lục chi tiết kèm theo.

Bằng văn bản này, Công ty xin thông báo và mời các đơn vị quan tâm cung cấp báo giá theo mẫu tại Phụ lục chi tiết kèm theo. Để phục vụ công việc, báo giá thể hiện rõ, đầy đủ các nội dung sau:

- Hiệu lực của báo giá.
- Đơn giá và các chi phí liên quan đến việc thực hiện công việc tại Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh (như thuế, phí, lệ phí...).

Tài liệu báo giá xin gửi về Phòng KHVT – Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh – Tổ 33, Khu phố Hà Khánh 5, Phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 02033.657539 - Fax: 02033.657540 hoặc qua Gmail: kehoachvattu.ndqn@gmail.com.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Công ty (IT t/hiện);
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Dũng

Phụ lục

(kèm theo Công văn số /NDQN-KHVT ngày/...../2026)

BÁO GIÁ

.....,Ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Địa chỉ: Tổ 33, Khu phố Hà Khánh 5, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Sau khi xem xét, Công ty..... xin gửi tới Quý khách hàng báo giá dịch vụ theo bảng dưới đây:

Hiệu lực báo giá: ngày;

Địa điểm thực hiện: Tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.

STT	Danh mục thiết bị	Thông số Kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (trước VAT)	Thành tiền (trước VAT)	Mức VAT
1	Lò hơi số 2, 3, 4	Kiểm tra vận hành Lò hơi số 2, 3, 4; Q = 995t/h, P = 175/37,1 Bar	Thiết bị	3,00			
2	Bình xả định kỳ	Kiểm tra vận hành Bình xả định kỳ (lò hơi số 2, 3, 4) V - 2,2 m3	Thiết bị	3,00			
3	Bình xả liên tục	Kiểm tra vận hành bình xả liên tục (lò hơi số 2, 3, 4) V = 3,5 m3	Thiết bị	3,00			
4	Bình phân ly	Kiểm tra vận hành bình phân ly (lò hơi số 2, 3, 4) V = 2,5 m3	Thiết bị	3,00			
5	Bình gia nhiệt hạ áp LP1, LP2	Kiểm tra vận hành bình gia nhiệt hạ áp LP1, LP2 (lò hơi số 2, 3, 4) V = 27,4 m3	Thiết bị	3,00			
6	Bình gia nhiệt hạ áp số 3	Kiểm tra vận hành bình gia nhiệt hạ áp số 3 (lò hơi số 2, 3,	Thiết bị				

		4) V = 8,2 m ³		3,00			
7	Bình gia nhiệt hạ áp số 4	Kiểm tra vận hành bình gia nhiệt hạ áp số 4 (lò hơi số 2, 3, 4) V = 8.95 m ³	Thiết bị	3,00			
8	Bình khử khí	Kiểm tra vận hành bình khử khí (lò hơi số 2, 3, 4) V = 215 m ³	Thiết bị	3,00			
9	Bình gia nhiệt cao áp số 6	Kiểm tra vận hành bình gia nhiệt cao áp số 6 (lò hơi số 2, 3, 4) V = 9,27 m ³	Thiết bị	3,00			
10	Bình gia nhiệt cao áp số 7	Kiểm tra vận hành bình gia nhiệt cao áp số 7 (lò hơi số 2, 3, 4) V = 10.52 m ³	Thiết bị	3,00			
11	Bình gia nhiệt cao áp số 8	Kiểm tra vận hành bình gia nhiệt cao áp số 8 (lò hơi số 2, 3, 4) V = 8.47 m ³	Thiết bị	3,00			
12	Bình chứa khí nén trung tâm	Kiểm tra vận hành bình chứa khí nén trung tâm V = 25m ³	Thiết bị	6,00			
13	Bình chứa khí nén trung tâm	Kiểm tra vận hành bình chứa khí nén trung tâm V = 5m ³	Thiết bị	4,00			
14	Bình chứa khí nén xử lý nước thải	Kiểm tra vận hành bình chứa khí nén xử lý nước thải V = 8m ³	Thiết bị	2,00			
15	Bình chứa khí nén khu hóa	Kiểm tra vận hành bình chứa khí nén khu hóa V = 8m ³	Thiết bị	2,00			
16	Bình chứa khí CO ₂	Kiểm tra vận hành bình chứa khí CO ₂ ; V = 10 m ³	Thiết bị	2,00			
17	Bình chứa khí CO ₂	Kiểm tra vận hành bình chứa khí CO ₂ ; V = 15 m ³	Thiết bị	2,00			

18	Bình chứa khí nén phễu than lò hơi 1, 2, 3, 4	Kiểm tra vận hành bình chứa khí nén phễu than lò hơi 1, 2, 3, 4; $V \leq 0.15m^3$	Thiết bị	24,00			
19	Hệ thống đường ống dẫn hơi (Tái nhiệt nóng)	Kiểm tra vận hành Hệ thống đường ống dẫn hơi (Tái nhiệt nóng): Plv = 42,4bar; L = 925,6m/hệ thống	m	694,20			
20	Hệ thống đường ống dẫn hơi (Tái nhiệt lạnh)	Kiểm tra vận hành Hệ thống đường ống dẫn hơi (Tái nhiệt lạnh): Plv = 42,4bar; L = 672,4m/hệ thống	m	504,30			
21	Hệ thống đường ống dẫn nước từ đầu dây bơm cấp đến lò hơi	Kiểm tra vận hành Hệ thống đường ống dẫn nước từ đầu dây bơm cấp đến lò hơi: Plv = 23.3 bar; L = 231,2m/hệ thống	m	173,40			
22	Hệ thống đường ống dẫn hơi chính	Kiểm tra vận hành Hệ thống đường ống dẫn hơi chính: Plv = 172,9 bar; L = 1.310m/hệ thống	m	982,50			
23	Hệ thống đường ống dẫn nước từ bình khử khí đến đầu hút bơm cấp	Kiểm tra vận hành Hệ thống đường ống dẫn nước từ bình khử khí đến đầu hút bơm cấp: Plv = 11,36 bar; L = 424.4m/hệ thống	m	318,30			
24	Hệ thống lạnh máy nén trực vít giải nhiệt gió (850kW lạnh/750kW sưởi)	Kiểm tra vận hành hệ thống lạnh máy nén trực vít giải nhiệt gió (850kW lạnh/750kW sưởi)	Hệ thống	3,00			